

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/ST- HNGĐ
Ngày: 16/8/2018
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lai;

Ông Dương Văn Hánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 10/7/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2018/QĐ-HPT ngày 07/8/2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nghĩa Q, sinh năm 1950, có mặt;

Địa chỉ: Số 472/15 Trần Xuân Soạn, P T, Quận 7, TP HCM;

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã Đ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn ông Nguyễn Nghĩa Q trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Y vào tháng 6/1976. Trước khi cưới có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Tiên Du nhưng do quá trình lưu giữ đã bị thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, bà Y về làm dâu và sinh sống tại gia đình ông. Vợ chồng chỉ chung sống cùng nhau được mấy ngày. Hết kỳ nghỉ phép, ông trở lại đơn vị, rồi tiếp tục đi chiến đấu tại chiến trường Campuchia. Do điều kiện ông là bộ đội không được ở gần vợ con, nên vợ chồng không được chung sống cùng nhau nhiều. Cũng chính vì vợ chồng không sống cùng nhau nên trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn, không thể tâm sự và chia sẻ cho nhau. Nay ông Q xác định vợ chồng không còn

tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Yên

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1977 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn, ông không đề nghị gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày tại biên bản ghi lời khai: Thống nhất với lời trình bày của ông Q về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn và con chung của vợ chồng. Bà Y xác định mặc dù cuộc hôn nhân giữa bà và ông Q chỉ tồn tại trên danh nghĩa, trên thực tế ông Q là người đã có vợ nhưng lại chung sống như vợ chồng cùng với người phụ nữ khác và có con chung ở Thành phố Hồ Chí Minh. Bà không có đề nghị gì về mối quan hệ này của ông Q. Bà không đồng ý ly hôn vì ảnh hưởng đến con cháu và danh dự của bà.

Về con chung, Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tiến hành tố tụng tại phiên tòa; sau khi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Q: Xử cho ông Q được ly hôn với bà Y;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn trong vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

1. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Y trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã nhận Q định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần thứ 2 mà không có lý do chính đáng. Do vậy, HĐXX tiến hành việc xét xử vắng mặt bà Y là phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 227 – BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Nghĩa Q và bà Nguyễn Thị Y kết hôn vào tháng 6/1976. Trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, nên là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân, cả ông Q và bà Y đều thừa nhận quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Vợ chồng không chung sống cùng nhau mà mỗi người sống một nơi, khoảng cách rất xa. Bà sống tại Đ, T, Bắc Ninh; Còn ông sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong suốt thời gian hơn 40 năm hôn nhân tồn tại, thời gian chung sống với nhau rất ngắn ngủi. Vợ chồng không quan tâm, chăm sóc đến

nhau. Bà Y xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, nhưng không muốn ly hôn vì lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân bà.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng ông Q, bà Y không đạt được mục đích của cuộc hôn nhân tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Cả hai bên không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Quyết là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1977 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân. Ly hôn, ông Q và bà Y không yêu cầu giải quyết về con chung.

Tài sản chung: Ông Q, bà Y không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Do vậy, về con chung và tài sản, HĐXX không xem xét giải quyết;

Ông Quyết phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56 - Luật Hôn nhân & gia đình;

Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Nghĩa Q

Tuyên xử:

- Ông Nguyễn Nghĩa Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Y;

- Án phí: Ông Nguyễn Nghĩa Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác nhận ông Q đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0000334 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Đại Đồng
- Lưu án văn, hồ sơ

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Phong

